

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Đánh giá theo phương pháp Đạt/ Không đạt. Việc đánh giá được thực hiện cho từng hạng mục hàng hóa của gói thầu.

Các tiêu chí tổng quát bao gồm:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4
1	Thông tin về hàng hoá chào thầu	- Nhà thầu đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất theo quy định tại mẫu số 10B chương IV (*).	- Không đề xuất cụ thể một trong các thông tin: ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất tại mẫu số 10B chương IV (tiêu chí này không được làm rõ).
2	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Hàng hóa chào thầu đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II.1-Yêu cầu thông số kỹ thuật, có tài liệu chứng minh tính đáp ứng.	- Không chào Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V, Mục B.II.1-Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một trong các thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II.1-Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một số thông số kỹ thuật chào thiếu sau khi đã được làm rõ bổ sung nhưng nhà thầu không bổ sung hoặc sau khi làm rõ nhưng không đáp ứng, hoặc; - Không có tài liệu chứng minh tính đáp ứng sau khi đã được yêu cầu làm rõ.
3	Về tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá:		

3.1	Biên bản thử nghiệm	<p>Có biên bản thử nghiệm đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.4.2 Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB cho hàng hóa có cùng chủng loại, nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.4.3-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa và có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II.1-Các yêu cầu chi tiết của E-HSMT.</p>	<p>Biên bản thử nghiệm không đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.4.2 Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ, hoặc;</p> <p>Không có biên bản thử nghiệm được nêu tại Chương V, mục B.I.4.3-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa hoặc có nhưng có hạng mục thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II.1-Các yêu cầu chi tiết của E-HSMT sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.</p>
4	Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiến độ các điều kiện thương mại		
4.1	Các điều kiện thương mại	<p>Không có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.</p>	<p>Có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.</p>
4.2	Quyền sở hữu trí tuệ	<p>- Có cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm cung cấp.</p>	<p>Không có cam kết, hoặc không bổ sung cam kết</p>

		- Có cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do bên bán cung cấp.	sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ.
5	<i>Kết quả thực hiện Hợp đồng, chất lượng hàng hóa</i>		
5.1	<i>Kết quả thực hiện hợp đồng</i>	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có < 03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiến độ do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có \geq 03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiến độ do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
5.2	<i>Chất lượng hàng hoá</i>	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, không có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (***) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
6	<i>Ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hoá chào thầu</i>	+ Nhà thầu chào một (01) ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hoá (một cái, một chiếc...) trong mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp. + Nhà thầu chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất	+ Sau khi làm rõ, nhà thầu vẫn chào nhiều hơn 01 xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hoá (một cái, một chiếc...) của mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp. + Nhà thầu chào nhiều hơn 01 (một) ký mã hiệu, nhãn hiệu cho một đơn vị

		<p><i>xử theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.</i></p>	<p><i>tính của hàng hoá chào thầu hoặc chào nhiều hơn 01 (một) hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hoá chào thầu.</i></p> <p><i>+ Nhà thầu không chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.</i></p>
--	--	---	--

Ghi chú:

- (*) Nhà thầu nghiên cứu kỹ nội dung các ghi chú tại bảng số 10B chương IV để điền đầy đủ thông tin theo hướng dẫn, tránh trường hợp hồ sơ dự thầu không được xem xét đánh giá vì không đủ thông tin hàng hoá theo CDNT 15.7 và CDNT 15.8 của HSMT.

- Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm chứng Biên bản thử nghiệm; tài liệu của nhà sản xuất công bố (catalogue,...); xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng được nhà thầu đính kèm trong E-HSDT, Hồ sơ làm rõ (nếu có). Kết quả kiểm chứng là cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với các yêu cầu của E-HSMT.

- Trong trường hợp E-HSDT có những nội dung sai khác hoặc bỏ sót nội dung không cơ bản so với E-HSMT – phù hợp với điểm a và điểm b khoản 25.2 điều 25 chương I thuộc E-HSMT, Chủ đầu tư sẽ thực hiện làm rõ E-HSDT phù hợp với khoản 23.1 điều 23 chương I thuộc E-HSMT:

i) Trường hợp có sự sai khác thông tin giữa các tài liệu do Nhà thầu tuyên bố (là các tài liệu do chính Nhà thầu lập và nộp trong E-HSDT, bao gồm: Bảng thông số kỹ thuật chào thầu; Các bản vẽ, mô tả chỉ dẫn kỹ thuật liên quan; Liệt kê chi tiết VTTB (nếu có)) thì Chủ đầu tư sẽ tiến hành làm rõ để đánh giá E-HSDT.

ii) Trường hợp trong các tài liệu do Nhà sản xuất công bố (catalogue, hướng dẫn vận hành) có thông số kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật khác với tuyên bố của Nhà thầu và không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ tiến hành làm rõ. Trong trường hợp này, khi làm rõ thì Nhà thầu phải bổ sung các tài liệu hợp lệ của Nhà sản xuất để giải thích, chứng minh các nội dung sai khác này, làm cơ sở để Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT. Trường hợp khi làm rõ mà Nhà thầu không bổ sung được các tài liệu hợp lệ

của Nhà sản xuất giải thích, chứng minh nội dung sai khác thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.

- Đối với Biên bản thử nghiệm của VTTB: phải đầy đủ hạng mục và đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT.

*- (**) Các đơn vị thành viên EVNCPC: là các đơn vị thành viên của EVNCPC trong khoảng thời gian đánh giá chất lượng hàng hoá, kết quả thực hiện hợp đồng.*

*- (**) EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC bao gồm:*

TT	Tên đơn vị	Viết tắt
1	Tổng công ty Điện lực miền Trung	EVNCPC
2	Công ty Điện lực Quảng Bình	QBPC
3	Công ty Điện lực Quảng Trị	QTPC
4	Công ty Điện lực Huế	HPC
5	Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	DNPC
6	Công ty Điện lực Quảng Nam	QNaPC
7	Công ty Điện lực Quảng Ngãi	QNPC
8	Công ty Điện lực Bình Định	BĐPC
9	Công ty Điện lực Phú Yên	PYPC
10	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	KHPC
11	Công ty Điện lực Gia Lai	GLPC
12	Công ty Điện lực Kon Tum	KTPC
13	Công ty Điện lực Đắk Lắk	ĐLPC
14	Công ty Điện lực Đắk Nông	ĐNoPC
15	Công ty Tư vấn điện miền Trung	CPCPEC
16	Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung	ETC
17	Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung	CPCIT
18	Ban Quản lý dự án điện nông thôn miền Trung	CPCCREB
18	Ban Quản lý dự án lưới điện miền Trung	CPCNPMU
19	Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung	CPSC
20	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	PC3-INVEST
21	Trung tâm sản xuất thiết bị đo điện tử Điện lực miền Trung	CPCEMEC
22	Trung tâm chăm sóc khách hàng Điện lực miền Trung	CPCCC
23	Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung	CEPC

Ghi chú: Trường hợp chất lượng hàng hoá, kết quả thực hiện hợp đồng bị Công ty Điện lực Quảng Bình, Công ty Điện lực Quảng Nam, Công ty Điện lực Bình Định; Công ty Điện lực Phú Yên, Công ty Điện lực Đắk Nông (là đơn vị thành viên của EVNCPC trước ngày 30/6/2025), Ban Quản lý dự án Điện nông thôn miền Trung (là đơn vị thành viên của EVNCPC trước ngày 01/3/2025) đánh giá, và thời điểm đánh giá nằm trong khoảng thời gian từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu thì Chủ đầu tư vẫn sẽ đánh giá căn cứ trên kết quả đánh giá của các đơn vị thành viên của EVNCPC.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có): Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSĐT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Ghi chú về kiểm tra thực tế năng lực nhà thầu trước khi trao hợp đồng

- E-HSDT được xếp hạng thứ nhất sẽ được xem xét trao thầu. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình Chủ đầu tư sẽ thực hiện việc kiểm tra thực tế năng lực của nhà thầu được dự kiến trao hợp đồng trước khi trao hợp đồng. Kết quả kiểm tra thực tế phải chứng minh được năng lực về kỹ thuật, tài chính của nhà thầu đảm bảo thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT.

- Do chưa xác định rõ ràng được mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cụ thể trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư tạm xác định mức thuế suất GTGT là 10%, nhà thầu được yêu cầu tính toán giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT và chào thầu với mức thuế suất GTGT là 10%. Chủ đầu tư sẽ tính toán đơn giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT tương ứng với mức thuế suất 10% để làm cơ sở đánh giá thầu và ký hợp đồng

- Phương thức bảo hành:

+ Khi kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa cũng như trong quá trình lắp đặt, sử dụng các hàng hóa cung cấp trong hợp đồng, nếu có hàng hóa nào không phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như chất lượng không đảm bảo thì Chủ đầu tư sẽ thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản các sai sót này.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày sau khi nhận được các thông báo nói trên của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải sửa chữa hoặc thay thế tất cả hàng hóa sai sót và mọi chi phí liên quan đều do Nhà thầu chịu. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện.

+ Nếu sau khi đã được thông báo, Nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian quy định, Chủ đầu tư có thể tiến hành các bước cần thiết để thu lại số tiền tương ứng với các hàng hóa bị sai sót này từ Bảo đảm bảo hành của Nhà thầu. Đồng thời Chủ đầu tư sẽ tìm nguồn khác để mua các hàng hóa này và toàn bộ chi phí chênh lệch do Nhà thầu chịu theo cách khấu trừ từ tiền bảo đảm bảo hành và nhà thầu phải thanh toán bổ sung cho phần chi phí vượt quá số tiền trong bảo đảm bảo hành.

+ Việc thực hiện các nghĩa vụ bảo hành nói trên của Nhà thầu chỉ đối với các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Nhà thầu hoặc Nhà sản xuất. Trong quá trình bảo hành, nếu có hàng hóa bị hư hỏng, kém chất lượng thì thời gian bảo hành được tính lại từ ngày đưa chi tiết cung cấp thay thế vào sử dụng với thời hạn bảo hành như qui định nêu tại khoản này.

- Bảo lãnh bảo hành: + Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành giao hàng theo qui định của hợp đồng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28

ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng năm phần trăm (5%) Giá trị hợp đồng.

+ Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:

++ Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu hoàn thành giao hàng theo qui định của hợp đồng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

++ Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu phát hành cho từng đợt giao hàng theo qui định của hợp đồng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới

++ Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà